

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 3 - 2022

V/v ly hôn giữa chị A và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nghi

Bà Đặng Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Xóm 1, thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Nơi ở hiện nay: Xóm B, xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Huy, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 1, thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2021, bản tự khai ngày 23/02/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh A trình bày: Chị và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 5 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H gia trưởng dẫn đến vợ chồng đánh chửi nhau. Từ tháng 8/2021 chị về nhà bố mẹ đẻ tại xã A, huyện Q, tỉnh Nghệ An ở, anh H có tìm về để vợ chồng chung sống nhưng chị không nghe, từ đó vợ chồng

chị sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H.

Về con chung: Giữa chị và anh H có 02 con chung là Phạm Việt H sinh ngày 20/12/2008 và Phạm Gia B sinh ngày 28/8/2013 các con đang ở với anh H. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu H, anh H nuôi cháu B, chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu anh H không đồng ý anh có nguyện vọng nuôi 02 con chị đồng ý giao 02 con cho anh H nuôi, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nếu anh H có yêu cầu.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Quỳnh A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 23/02/2022 bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Quỳnh A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 5 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Quỳnh A có sử dụng ma túy, anh biết đã động viên khuyên giải vợ từ bỏ ma túy nhưng chị không nghe, mà chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Nghệ An ở, từ đó vợ chồng anh đã ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn không hạnh phúc, nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án xem xét.

Về nuôi con chung: Anh và chị Quỳnh A có 02 con chung tên tuổi của các con đúng như chị Quỳnh A trình bày, hiện các con đang ở với anh. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con chung không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng vì hiện nay anh đang chạy xe chuyên trở vật liệu xây dựng thu nhập hằng tháng từ 17 đến 18 triệu đồng

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Phạm Văn H.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Tiếp tục giao 02 con chung là Phạm Việt H và Phạm Gia B cho

anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Quỳnh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Phạm Văn H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 20/5/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đánh chửi nhau. Từ tháng 8 năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa, chị Quỳnh A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Quá trình tố tụng chị Quỳnh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh H thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, nhưng vì thương các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị Quỳnh A và anh H không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn H của chị Nguyễn Thị Quỳnh A phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Việt H và Phạm Gia B hiện đang ở với anh H, khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, ý kiến của các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh H có nguyện vọng tiếp tục nuôi 02 con chung không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng. Chị Quỳnh A nhất trí với ý kiến của anh H. Xét ý kiến và nguyện vọng của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Khi ly hôn tiếp tục giao 02 con chung là Phạm Việt H sinh ngày 20/12/2008 và Phạm Gia B sinh ngày 28/8/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Quỳnh A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Quỳnh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Quỳnh A và anh Phạm Văn H

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao 02 con chung là Phạm Việt H, sinh ngày 20/12/2008 và Phạm Gia B, sinh ngày 28/8/2013 cho anh Phạm Văn H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị Quỳnh A không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Quỳnh A đã nộp theo biên lai số 0004557, ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh